

Bản án số: 01/2022/HS-PT
Ngày 13 - 01 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Hải và ông Nguyễn Quốc Trưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 91/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Đức B do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2021/HS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Hồng P, sinh năm 1988 tại Hà Nội; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Phiên dịch; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Duy S và bà Trần Thị H; có vợ Nguyễn Phương H và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 01/4/2021 chuyển tạm giam ngày 10/4/2021 đến ngày 27/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương; có mặt.

2. Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1989 tại Hà Nội; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện P, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị H; có chồng Nguyễn Hồng T và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 01/4/2021 chuyển tạm giam ngày 10/4/2021 đến ngày 27/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương; có mặt.

3. Nguyễn Đức B, sinh năm 1993 tại Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T và bà Phan Thị X có vợ: Vũ Thị H và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền

sự: Không; bị tạm giữ ngày 02/4/2021 chuyển tạm giam ngày 11/4/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, bị kháng nghị:*

+ *Bị hại:* Công ty TNHH S; địa chỉ: Khu Công nghiệp Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; người đại diện theo pháp luật: Bà KIM A; chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông KIM C; chức vụ: Giám đốc nhân sự; người phiên dịch: Ông Lê Quang T; chức vụ: Nhân viên; vắng mặt.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty TNHH C; địa chỉ: Cụm công nghiệp N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; người đại diện theo pháp luật: Ông LEE J; chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị P; chức vụ: Nhân viên; vắng mặt.

Chị Nguyễn Phụng H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 21, ngõ 36, phố T, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH S là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do bà KIM A, quốc tịch Hà Quốc làm giám đốc. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700706376, đăng ký lần đầu ngày 10/6/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, trong lĩnh vực sản xuất, lắp ráp các loại màn hình cảm ứng của máy tính bảng. Công ty ký hợp đồng lao động với Hoàng Đại H, Lê Hồng P và Nguyễn Thị Lan A. Quá trình làm việc tại Công ty, Hoàng Đại H được giao công việc lái xe nâng, viết phiếu xuất, nhập hàng hóa ra vào kho, Trưởng bộ phận kho; Lê Hồng P, Phiên dịch đồng thời quản lý của bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm; Nguyễn Thị Lan A, Tổ trưởng sản xuất của bộ phận sản xuất, được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý số hàng lỗi tại Công ty.

Biết Công ty TNHH S sản xuất, lắp ráp các loại màn hình cảm ứng của máy tính bảng và thường có các hàng lỗi bị khách hàng trả về, H nói chuyện với Nguyễn Đức B là lái xe cho Công ty TNHH C, người thường xuyên đến Công ty TNHH S giao hàng và nhờ B tìm mối tiêu thụ số hàng lỗi của Công ty. Ngày 29/3/2021, B lên mạng xã hội zalo tìm người mua và nói chuyện với một người có nick zalo “Trần Anh”, hai bên thỏa thuận mua, bán màn hình cảm ứng máy tính bảng với giá 38.500đồng/1 chiếc. Sau đó, B nói chuyện qua zalo với H và nhận mua số màn hình cảm ứng mà H lấy được từ Công ty TNHH S với giá 27.000 đồng/1 chiếc để hưởng chênh lệch 11.500 đồng/1 chiếc. Do số màn hình cảm ứng của máy tính bảng bị lỗi thuộc bộ phận Quản lý chất lượng sản phẩm (Bộ phận QC) quản lý nên H đã bàn và thỏa thuận với Lê Hồng P và Nguyễn Thị Lan A, lấy số màn hình cảm ứng của máy tính bảng bán cho B để cùng nhau hưởng lợi. Số tiền bán được sẽ chia làm 3 phần, H được hưởng 50%, còn P và Lan A mỗi người được hưởng 25%. H báo với Lan A và P giá bán của mỗi chiếc

màn hình là 21.000 đồng thấp hơn so với thỏa thuận với B để hưởng số tiền chênh lệch 6.000đồng/1 chiếc.

Ngày 30/3/2021, Công ty TNHH S nhận về khoảng 7.000 màn hình cảm ứng của máy tính bảng (Hàng lỗi do khách hàng chuyển trả); Lan A và P tiếp nhận, đồng thời có trách nhiệm quản lý, báo cáo lãnh đạo Công ty. Sau khi kiểm tra P nói với Lan A: *“Có lấy được hàng không, có thì chuẩn bị 2.000 chiếc”*. Do là người trực tiếp quản lý hàng lỗi và tổng hợp báo cáo hàng tháng, biết Lãnh đạo Công ty ít quan tâm đến loại hàng này và bản thân có thể báo cáo sai số liệu mà Lãnh đạo Công ty cũng không biết, nên Lan A lấy từ lô hàng lỗi mới về 2.160 chiếc màn hình cảm ứng của máy tính bảng gồm 2 loại TABAXL black và TABAXL plus White đóng trong 6 thùng cát tông để ở khu vực cửa ra vào giữa bộ phận kho và bộ phận quản lý chất lượng rồi chỉ cho H vị trí để số hàng trên; đồng thời, H còn lấy thêm 470 chiếc màn hình cảm ứng của máy tính bảng là hàng lỗi của Công ty do P và Lan A quản lý, bỏ vào 02 thùng cát tông và để gần vị trí các thùng cát tông mà Lan A để.

Khoảng 13 giờ ngày 31/3/2021, B điều khiển xe ô tô nhãn hiệu THACO, màu trắng, BKS: 98LD-004... đến Công ty TNHH S giao các băng dính nguyên liệu cho Công ty. Sau khi B giao hàng xong, H dùng xe nâng chuyển 8 thùng cát tông bên trong có 2.630 màn hình máy tính bảng bị lỗi lên thùng xe ô tô tải BKS: 98LD-004... cho B để B điều khiển xe đi ra khỏi nhà kho, khoảng 1 tiếng sau thì B chuyển khoản qua Smartbanking cho H số tiền 15.000.000 đồng và hẹn sau khi bán được sẽ trả nốt số tiền 56.010.000 đồng còn lại; nhận tiền của B, H chuyển khoản cho P và Lan A mỗi người 5.000.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày B điều khiển xe ô tô, BKS: 98LD-004... chở số màn hình máy tính bảng đến siêu thị Dabaco, thuộc địa phận phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh để bán thì bị Công an thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh kiểm tra, phát hiện và thu giữ các vật chứng có liên quan. Sau đó, Công an thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Tang vật thu giữ gồm: 2.630 sản phẩm màn hình cảm ứng máy tính bảng bị lỗi (Trong đó có 2.000 màn hình loại TABAXL black, màu đen và 630 màn hình loại TABAXL plus White, màu trắng); 01 xe ô tô nhãn hiệu THACO, loại có thùng kín, màu trắng, BKS: 98LD-004...; 01 Đăng ký xe ô tô số 031879, 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 5372193, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001861308 của xe ô tô BKS: 98LD-004...; 01 Giấy phép lái xe số 240177003749, Hạng C, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 02/3/2017, 01 Chứng minh nhân dân số 122107108 đều mang tên Nguyễn Đức B; 96 Cuộn băng dính nguyên liệu, màu trắng, 03 Phiếu xuất kho, 04 B bản giao hàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20+, màu trắng, IMEI 1: 355362111563958, IMEI 2: 355363111563959 trong gấn thẻ sim của Nguyễn Đức B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, màu trắng, IMEI 1: 861268041018228, IMEI 2: 861268041018236 trong gấn thẻ sim của Hoàng Đại H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu vàng, IMEI 1: 353921108225426, IMEI 2: 353921108055138 trong gấn thẻ sim của Lê Hồng

P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J7 Pro, màu hồng, IMEI1: 353317098111629, IMEI 2: 353318098111627 trong gấn thẻ sim của Nguyễn Thị Lan A. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ của bị cáo Hoàng Đại H 5.000.000đ, chị Nguyễn Phượng H (Vợ bị cáo Lê Hồng P) nộp 5.000.000đ và bị cáo Nguyễn Thị Lan A 5.000.000đ.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Duy Tiên đã trả lại 2000 màn hình loại TABAXL black, màu đen và chiếc 630 màn hình loại TABAXL plus White, màu trắng cho Công ty S. Trả lại chiếc xe ô tô xe ô tô nhãn hiệu THACO, BKS 98LD-004..., cùng toàn bộ giấy tờ xe và 96 cuộn băng dính nguyên liệu màu trắng, 03 phiếu xuất kho, 4 biên bản giao hàng cho Công ty C - KCN N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Tại Bản Kết luận định giá số 11/KL-HĐ ngày 09/4/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Duy Tiên, kết luận: 2.000 màn hình loại TABAXL black, màu đen, sản phẩm bị lỗi có giá trị 52.000.000 đồng, 630 màn hình loại TABAXL plus White, màu trắng, sản phẩm bị lỗi có giá trị 16.380.000 đồng. Tổng giá trị 68.380.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 13/4/2021, Công ty S đã nhận lại toàn bộ số màn hình máy tính bảng bị lỗi trên và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2021/HS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Đại H, Lê Hồng P, Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Đức B. Áp dụng khoản 2 Điều 51 đối với các bị cáo Hoàng Đại H, Lê Hồng P và Nguyễn Thị Lan A.

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Đại H, Lê Hồng P, Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Đức B phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đại H 30 tháng tù; các bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Đức B mỗi bị cáo 24 tháng tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 22/10/2021, bị cáo Nguyễn Đức B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 25/10/2021, bị cáo Lê Hồng P và Nguyễn Thị Lan A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Thị Lan A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo Nguyễn Đức B bổ sung kháng cáo xin hưởng án treo, đồng thời giữ nguyên kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và chị Vũ Thị H (Vợ bị cáo B) nộp Huân, Huy chương của ông nội, ông ngoại bị cáo B.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án

hình sự sơ thẩm số 82/2021/HS-ST ngày 20/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình để cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo đều trong thời hạn luật định, đơn thể hiện đầy đủ nội dung quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp lệ cần được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Thị Lan A đều thừa nhận được Công ty TNHH S ký hợp đồng lao động và Lê Hồng P được giao nhiệm vụ phiên dịch, quản lý bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm; Nguyễn Thị Lan A được phân công làm tổ trưởng sản xuất của bộ phận sản xuất và trực tiếp quản lý số hàng lỗi tại Công ty, còn Nguyễn Đức B là lái xe của Công ty TNHH C thường xuyên đến Công ty S giao hàng. Biết Công ty TNHH S sản xuất, lắp ráp các loại màn hình cảm ứng của máy tính bảng, thường xuyên có hàng lỗi trả về, H nói chuyện với B tìm mối tiêu thụ; B đồng ý mua từ H với giá 27.000 đồng/chiếc. H bàn và thỏa thuận với P và Lan A và thống nhất số tiền bán được chia 3 phần, H được hưởng 50%, còn P và Lan A mỗi người 25%. H báo giá với P và Lan A mỗi chiếc màn hình là 21.000 đồng/chiếc. Ngày 30/3/2021, Công ty TNHH S nhận về khoảng 7000 màn hình cảm ứng máy tính bảng (Hàng lỗi do khách hàng chuyển trả); Lan A và P tiếp nhận, sau đó Lan A lấy 2.160 chiếc màn hình cảm ứng của máy tính bảng gồm 2 loại TABAXL black và TABAXL plus White đóng trong 6 thùng cát tông để ở khu vực cửa ra vào giữa bộ phận kho và bộ phận quản lý chất lượng rồi chỉ cho H biết. Ngoài ra, H còn lấy thêm 470 chiếc màn hình cảm ứng của máy tính bảng bị lỗi do P và Lan A quản lý. Đến khoảng 13 giờ ngày 31/3/2021, B điều khiển xe ô tô nhãn hiệu THACO, Biển kiểm soát 98LD-004... đến Công ty TNHH S giao hàng; sau đó, H dùng xe nâng chuyển 8 thùng cát tông bên trong chứa 2.630 màn hình máy tính bảng bị lỗi lên xe cho B chở đi Bắc Ninh tiêu thụ thì bị bắt. Trị giá 2.630 màn hình cảm ứng máy tính bảng có tổng giá trị là 68.380.000 đồng. Như vậy, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Hoàng Đại H, Lê Hồng P, Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Đức B cùng phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo đề nghị giảm hình phạt của các bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Đức B thì thấy: Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi bị phát hiện các bị cáo P và Lan A đã chủ động tự giác giao nộp số tiền chiếm

hưởng bất chính (5.000.000 đồng) và đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho P và Lan A. Tại phiên tòa phúc thẩm chỉ Vũ Thị H (Vợ bị cáo B) xuất trình Huy chương chiến sỹ giải phóng của ông Nguyễn Đức D (Ông nội bị cáo B) và Huân chương kháng chiến của ông Phan Văn H (Ông ngoại bị cáo B) có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; các bị cáo Lê Hồng P và Nguyễn Thị Lan A đều không xuất trình các tình tiết giảm nhẹ mới. Mặc dù, bị cáo Nguyễn Đức B được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới (Gia đình có công với cách mạng) được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng mức hình phạt đối với bị cáo B bằng với các bị cáo P và Lan A và đều ở mức khởi điểm của khung hình phạt; hơn nữa, số tiền các bị cáo tham ô lên tới 68.380.000 đồng. Vì vậy, cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 24 tháng tù là không nặng và phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi mà các bị cáo đã gây ra nên kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo đều không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để tham ô tài sản với trị giá tài sản tham ô là 68.380.000 đồng. Mặc dù, các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc tội phạm về chức vụ. Do vậy, các bị cáo đều thuộc trường hợp không đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo”. Cho nên kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Đức B; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2021/HS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự (Đối với các bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Đức B).

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Đức B phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Xử phạt các bị cáo:

- Lê Hồng P 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 4 năm 2021 đến ngày 27 tháng 4 năm 2021).

- Nguyễn Thị Lan A 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 4 năm 2021 đến ngày 27 tháng 4 năm 2021).

- Nguyễn Đức B 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 02 tháng 4 năm 2021.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Đức B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- TAND thị xã Duy Tiên;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- UBND xã T, huyện C;
- UBND xã Đ, huyện P;
- UBND xã T, huyện Y;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy